| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2023/HS-ST
Ngày 17-3-2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Đức Chung

Ông Phạm Văn Huynh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai gồm Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai gồm bị cáo, Thư ký và cán bộ nơi giam giữ; đối với vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

**Thái Văn B**, sinh năm 1994 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nơi sinh sống: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thái V và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Ngày 05/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành áp dung biện pháp xử lý hành chính đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 22/7/2020.

- Nhân thân:

+ Ngày 29/12/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội "Làm nhục người khác", 02 năm 06 tháng tù về tội "Bắt người trái pháp

luật". Tổng hợp hình phạt là 03 năm 06 tháng tù (bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 24/4/2017). Đã đóng án phí ngày 09/4/2015.

+ Ngày 28/12/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ban hành Quyết định số 88 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 20/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành từ ngày 22/8/2022 trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Bị hại*:

+ Anh Lê Hữu M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã B huyện L, tỉnh Đồng Nai, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Trương Văn S, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 5, khu 13, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

+ Anh Trương Văn N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp T 2, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đào Phi Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/3/2021 đến ngày 13/8/2021 tại ấp A, xã B, huyện L, Thái Văn B đã 03 lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại Lê Hữu M, Trương Văn S và Trương Văn N cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào khoảng 20 giờ ngày 19/3/2021, tại nhà của Nguyễn Thành T, sinh năm 1989 thường trú tại ấp A, xã B, huyện L. B, T và hai người bạn của T (không rõ nhân thân, lai lịch) tổ chức uống rượu thì anh Lê Hữu M, sinh 1977, thường trú tại ấp A, xã B, huyện L điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki, biển số 60F2-414.76 đến chơi và vào ngồi uống rượu cùng. Khoảng 15 phút sau, B nảy sinh ý định mượn xe của anh M bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân nên B hỏi anh M cho B mượn xe để đi mua đồ, anh M đồng ý, sau khi mượn được xe B điều khiển xe đến cổng khu công nghiệp L - B, huyện L bán cho người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 1.500.000

đồng, B lấy 500.000 đồng mua lại ma túy của T sau đó nhờ người đi đường chở về nhà T cùng T và Ti (em ruột của T) sử dụng ma túy, số tiền còn lại B sử dụng mua ma túy và tiêu xài cá nhân. Do uống nhiều rượu anh M ngủ đến 06 giờ 00 ngày 20/3/2021 tỉnh dậy sau đó hỏi T và B xe đâu thì B nói dối là cho bạn mượn và hứa đến chiều mang xe trả lại cho anh M. Tuy nhiên, sau nhiều ngày anh M vẫn không thấy B trả lại, nhiều lần liên lạc với B để lấy xe nhưng không được. Đến ngày 26/3/2021 anh M đến Công an xã B, huyện L làm đơn tố cáo hành vi của B.

Lần thứ 2: Vào khoảng 19 giờ, ngày 26/3/2021, B gọi điện thoại rủ anh Trương Văn S, sinh năm 1995, thường trú tại khu 13, xã L, huyện L đến nhà T chơi. Sau đó, anh S điều khiển xe mô tô hiệu Winner biển số 60G1-100.16 đến nhà T, lúc này có B và T đang ngồi trong nhà, B hỏi anh S cho B mượn xe về nhà tắm và mua đồ nhậu. Sau khi tắm xong B đi ngủ đến khoảng 01 giờ 00 ngày 27/3/2021 tỉnh dậy và điều khiển xe của S trở lại nhà T. Anh S lúc này đang ngủ tại phòng khách nhà T, thấy B đi xe về thì tỉnh dậy rút chìa khóa xe để xuống gối rồi nằm xuống ngủ tiếp. Còn B và T ngồi nói chuyện với nhau, lúc này B nảy sinh ý định mượn xe của S đi cầm cố lấy tiền đánh bạc, B nói với T ý định trên thì T đồng ý. T vào lấy chìa khóa xe của S đưa cho B để B dắt xe ra ngoài, trong lúc B đang dắt xe ra ngoài thì bị S phát hiện và hỏi "lấy xe đi đâu", B trả lời "anh chạy ra đây một lúc, xíu anh về", S tin tưởng B và thấy T đi cùng nên đồng ý. B điều khiển xe chở T đến chợ BS và nói với T đợi ở đây để B đi cầm xe, B tiếp tục điều khiển xe đến cổng khu công nghiệp L-B, huyện L cầm cố cho người đàn ông tên Tý (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi cầm xe, B nhờ T chở ra chỗ T đang đợi, B đưa cho T 1.000.000 đồng và nói là tiền cầm xe nhưng không nói là cầm được bao nhiêu tiền. B cầm số tiền còn lại cùng T đến ngã tư đường gần chợ BS và dùng số tiền 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc với hình thức đánh tài xỉu với một số đối tượng không rõ nhân thân lai lịch đến gần sáng thì thua hết số tiền trên, sau đó nhờ bạn chở về nhà, số tiền 2.000.000 đồng còn lại B sử dụng để mua ma túy và tiêu xài cá nhân. Đến sáng cùng ngày 27/3/2021, S không thấy B và T đi xe về, liên lạc với 02 người nhưng không ai nghe máy sau đó nhiều lần liên lạc với B và T để lấy lại xe nhưng không được đến ngày 02/4/2021 S đã làm đơn tố cáo hành vi của Biên đến Cơ quan Công an.

Lần thứ 3: Vào khoảng 16 giờ ngày 13/8/2021, B đang ở nhà của T cùng với Ti (em của T) thì có anh Trương Văn N, sinh năm 1982, thường trú tại ấp T2, xã C, huyện T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 60B3-127.33 màu bạc đen đến nhà T chơi và xin ngủ lại qua đêm. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, B nảy sinh ý định mượn xe của N cầm cố lấy tiền tiêu xài, lúc

này B hỏi N cho mượn xe để đi rút tiền rồi quay về, N đồng ý. Sau đó B điều khiển xe chở T đi, B đem xe cầm cho anh Đào Phi Đ, sinh năm 1978, ngụ tại xã B, huyện L số tiền 3.000.000 đồng, do B nợ anh Đ số tiến 1.500.000 đồng trước đó chưa trả nên anh Đ đưa cho B số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền B mượn xe của anh Đ chở T đến nhà người bạn tên T tại ấp 9, xã B, huyện L, tại đây B đưa cho Ti 300.000 đồng, số tiền còn lại B cùng T, Th và bạn của Th đánh bạc và tiêu xài cá nhân. B và Ti đánh bạc đến gần sáng ngày 14/8/2021 thì Ti về trước, sau đó B điều khiển xe trả lại cho anh Đ và nhờ bạn chở về nhà. Sau khi giao xe cho B, anh Ng chờ không thấy B trả xe và nhiều lần liên lạc nhưng không được. Đến ngày 11/10/2021 anh N đến Công an xã B, huyện L tố cáo hành vi của B.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, B đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 30/8/2022 B bị Công an huyện Long Thành khởi tố về hành vi "Cướp tài sản".

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 123/KL-ĐGTS ngày 26/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự UBND huyện Long Thành kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 60F2-414.76, nhãn hiệu Suzuki, số loại Vina, màu xanh, đã qua sử dụng trị giá 3.500.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 60G1-100.16, nhãn hiệu Honda, số loại Winner, màu sơn trắng đen, đã qua sử dụng trị giá 24.500.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 60B3-127.33, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn bạc đen, đã qua sử dụng trị giá 9.500.000 đồng.

Vật chứng, tài sản tạm giữ, thu giữ:

- Thu giữ 01 xe mô tô biển số 60B3-127.33, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn bạc đen, đã qua sử dụng là tài sản của bị hại Trương Văn N. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản này cho bị hại.

- Đối với xe mô tô biển số 60F2-414.76 và xe mô tô biển số 60G1- 100.16 không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản được thu hồi là xe mô tô biển số 60B3- 127.33 đã trả lại cho bị hại Trương Văn N.

- Đối với xe mô tô biển số 60F2-414.76 của anh Lê Hữu M, chưa thu hồi được nhưng anh Mạnh không yêu cầu bồi thường.

- Đối với xe mô tô biển số 60G1-100.16 của anh Trương Văn S, chưa thu hồi được, anh S yêu cầu bị cáo B bồi thường theo kết luận của Hội đồng định giá là 24.500.000đ. Hiện nay bị cáo chưa bồi thường.

- Đối với xe mô tô biển số 60B3-127.33 sau khi anh Đ giao nộp xe cho Cơ quan Công an để trả cho bị hại. Anh Đ yêu cầu bị cáo B trả lại số tiền 2.500.000 đồng khi cầm cố xe. Hiện nay bị cáo chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSLT ngày 10 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Thái Văn B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Thái Văn B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị:

Về hình phạt: xử phạt bị cáo Thái Văn B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh Trương Văn S giá trị chiếc xe mô tô biển số 60G1-100.16 theo quy định và buộc bị cáo Thái Văn B phải bồi thường cho anh Đào Phi Đ số tiền 2.500.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.500.000 đồng từ việc bán xe của Lê Hữu M.

Tại điểm cầu thành phần bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu, nhận thức được hành vi của mình là sai, ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa bị hại Lê Hữu M, Trương Văn N và người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Đào Phi Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong giai đoạn điều tra bị hại và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai. Do vậy việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Thái Văn B có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/3/2021 đến ngày 13/8/2021 tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Thái Văn B đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60F2-414.76 trị giá 3.500.000 đồng, chiếm đoạt của anh Trương Văn S 01 xe mô tô biển số 60G1-100.16 trị giá 24.500.000 đồng, chiếm đoạt của anh Trương Văn N 01 xe mô tô biển số 60B3-127.33 trị giá 9.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo B chiếm đoạt là 37.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Thái Văn B đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo theo tội danh và khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại mang đi bán và cầm cố để lấy tiều mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân mà không phải lao động.

[4] Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo đã có một tiền sự, nhiều lần vi phạm pháp luật đưa đi cai nghiện và đưa ra xét xử, sau khi chấp hành án về vẫn tiếp tục phạm tội .

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Hiện bị cáo đang chấp hành Bản án số 222/2022/HS-ST ngày 20/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai về tội: "cướp tài sản" với mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù, vì vậy căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự cần tổng hợp hình phạt của hai bản án.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số 60B3-127.33, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn bạc đen, đã qua sử dụng là tài sản của bị hại Trương Văn N. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản này cho bị hại là đúng quy định.

Đối với xe mô tô biển số 60F2-414.76 và xe mô tô biển số 60G1- 100.16 không thu hồi được.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với xe mô tô biển số 60F2-414.76 của anh Lê Hữu M, chưa thu hồi được, nhưng lời khai tại hồ sơ và đơn xin vắng mặt anh M không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 60G1-100.16 của anh Trương Văn S, chưa thu hồi được, anh S yêu cầu bị cáo B bồi thường theo kết luận định giá 24.500.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của anh S là có căn cứ, nên chấp nhận, buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh S số tiền 24.500.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 60B3-127.33 sau khi anh Đ giao nộp xe cho Cơ quan Công an để trả cho bị hại. Anh Đ yêu cầu bị cáo B trả lại số tiền 2.500.000 đồng khi cầm cố xe. Xét thấy yêu cầu của anh Đ là có căn cứ, nên chấp nhận, buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh Đ số tiền 2.500.000 đồng.

[10] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp lại 1.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe của anh Lê Hữu M.

[11] Về vấn đề khác:

Đối với việc anh Thạch Lý H, sinh năm 1997, thường trú ấp S, xã B, huyện L làm đơn tố cáo đến Cơ quan Công an về việc vào ngày 03/8/2021, B có hành vi mượn xe mô tô biển số 60B2-127.29 của anh H nhưng không trả. Qua điều tra xác minh và đối chất giữa anh H và B nhưng B không thừa nhận và không có chứng cứ nào khác thể hiện anh H giao xe cho B vào ngày 03/8/2021, do vậy chưa đủ căn cứ để xử lý B về hành vi chiếm đoạt tài sản của anh H.

Đối với anh Đào Phi Đ nhận cầm xe mô tô biển số 60B3-127.33 vào ngày 13/8/2021, khi cầm anh Đ không biết đó là xe do B phạm tội mà có nên không xử lý đối với Đ.

Đối với đối tượng tên Tý (không rõ nhân thân, lại lịch) 02 lần cầm xe mô tô (xe mô tô biển số 60F2-414.76, xe mô tô biển số 60G1-100.16). Hiện tại chưa xác minh được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung Ti, qua lời khai ban đầu T và Ti không thừa nhận đồng phạm với B về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hiện tại T và Ti đã trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Trong quá trình điều tra bị cáo B còn khai nhận có hành vi tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh tài xỉu với số tiền 2.000.000 đồng với một số người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại ngã tư đường ấp 10, xã B, huyện L và đánh bạc bằng hình thức tiến lên với số tiền 1.200.000 đồng với người đàn ông tên Th và 02 người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại ấp 9, xã B, huyện L. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[12] Về án phí: Bị cáo B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1**. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Thái Văn B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Thái Văn B: **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2022.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 222/2022/HS-ST ngày 20/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (07 năm 06 tháng tù), buộc bị cáo Thái Văn B phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/8/2022.

**2**. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468, Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Thái Văn B phải bồi thường cho anh Trương Văn S số tiền 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Thái Văn B phải bồi thường cho anh Đào Phi Đ số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng

tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3**. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải nộp lại 1.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

**4**. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Thái Văn B phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**5**. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***
*- Bị cáo;*
*- Bị hại;*
*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
*- VKSND huyện Long Thành;*
*- VKSND tỉnh Đồng Nai;*
*- Công an huyện Long Thành;*
*- Chi cục THADS huyện Long Thành;*
*- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;*
*- Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phụng**